

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6906** /BTC-QLBH
V/v lấy ý kiến thẩm định dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày
23/02/2018 của Chính phủ
quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Hà Nội, ngày **28** tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, các doanh nghiệp bảo hiểm, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định (tài liệu gửi kèm).

Căn cứ quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý Bộ thẩm định dự thảo Nghị định.

Ý kiến thẩm định xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày **19** tháng **7** năm **2021** để Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự hợp tác, phối hợp của Quý Bộ. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Vụ PC; Vụ I;
- Lưu: VT, QLBH.  (6b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ
quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc. Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Sự thay đổi cơ sở pháp lý

Ngày 23/02/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (BHCNBB), theo đó mức phí bảo hiểm được áp dụng tương ứng theo từng danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Ngày 24/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2021, thay thế Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ được sửa đổi và quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 23/2018/NĐ-CP về mức phí bảo hiểm đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ để phù hợp với Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

2. Đòi hỏi thực tiễn

Nghị định số 23/2018/NĐ-CP không quy định doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) phải cấp Giấy chứng nhận BHCNBB nên cơ quan Công an có thẩm quyền gặp khó khăn trong việc kiểm tra việc thực hiện mua BHCNBB của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ nên cần thiết bổ sung quy định này.

Trong tình hình các vụ cháy lớn thường xuyên xảy ra, để tăng cường hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Bộ Công an đề nghị tăng mức chi cho hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy, giảm mức chi cho tuyên truyền, hỗ trợ điều tra nguyên nhân vụ cháy, khen thưởng...

Theo quy định, doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) nộp trực tiếp kinh phí đóng góp cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy (PCCC) từ BHCNBB vào Tài khoản của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do Bộ Công an mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương, gửi báo cáo tình hình thu nộp kinh phí tới Bộ Tài chính. Để việc rà soát số liệu thống nhất và thuận tiện, cần thiết sửa đổi quy định về việc DNBH gửi báo cáo nộp kinh phí cho Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP thành DNBH gửi báo cáo nộp kinh phí cho Bộ Công an (Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ, ổn định, minh bạch, rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, DNBH và các tổ chức, cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ khi tham gia BHCNBB; mở rộng số lượng các cơ sở tham gia BHCNBB, giúp bảo vệ tài chính cho các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

2. Quan điểm chỉ đạo

Thứ nhất, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác phòng cháy và chữa cháy.

Thứ hai, đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ và nhất quán với hệ thống pháp luật hiện hành và khắc phục những tồn tại, hạn chế sau quá trình thực hiện.

Thứ ba, đảm bảo khả thi, phù hợp với thực tế triển khai BHCNBB và kinh tế - xã hội của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho DNBH, tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm, cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện BHCNBB.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định đã được Bộ Tài chính tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn:

1. Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Tài chính đã tổ chức soạn thảo Nghị định.

2. Bộ Tài chính đã tổ chức hội thảo, hội nghị lấy ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan, DNBH để hoàn thiện dự thảo Nghị định.

3. Ngày 18/3/2021, Bộ Tài chính đã có Công văn số 2780/BTC-QLBH lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành có liên quan (Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Xây dựng); Công văn số 2779/BTC-QLBH lấy ý kiến góp ý của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Công văn số 2778/BTC-QLBH lấy ý kiến của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam (HHBHVN), doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH), doanh nghiệp tái bảo hiểm (DNTBH). Đồng thời, Bộ Tài chính cũng đã gửi, đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính.

4. Trên cơ sở ý kiến đóng góp, Bộ Tài chính đã tổng hợp và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định (Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu tác động trực tiếp kèm theo).

5. Ngày .../.../2021, Bộ Tài chính đã có Công văn số .../BTC-QLBH đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định; Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức họp thẩm định vào ngày .../.../2021 và có Báo cáo thẩm định số .../BC-BTP ngày .../.../2021.

6. Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định (Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trình kèm) để trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 3 Điều:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP.
- Điều 2: Thay thế, bãi bỏ một số phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP.
- Điều 3: Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản

a) Sửa đổi, bổ sung mức phí BHCNBB để phù hợp với danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (khoản 3, khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định và Phụ lục I kèm theo dự thảo Nghị định)

- Đối với danh mục cơ sở đã được quy định mức phí tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP và danh mục cơ sở có rủi ro tương đồng: Mức phí BHCNBB quy định tương tự tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP.

- Đối với danh mục cơ sở mới: Mức phí BHCNBB trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, thông lệ thị trường bảo hiểm và lịch sử tổn thất một số nhóm cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ đặc thù của Việt Nam.

- Đối với danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo phân hạng A, B, C, D, E (nhóm 16): Quy định hiện hành chưa chi tiết cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo phân hạng A, B, C, D, E gây khó khăn cho DNBH và cơ sở có

nguy hiểm về cháy, nổ áp dụng mức phí bảo hiểm theo quy định. Vì vậy, đề nghị của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm, ý kiến của Bộ Công an, dự thảo Nghị định theo hướng liệt kê chi tiết cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo phân hạng A, B, C, D, E để dễ theo dõi, thực hiện (nội dung được in nghiêng và gạch chân tại Phụ lục I dự thảo Nghị định).

Ngoài ra, để thống nhất việc áp dụng mức phí bảo hiểm đối với các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về mức phí bảo hiểm đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên (trừ cơ sở hạt nhân) theo hướng: DNBH và bên mua bảo hiểm được phép thỏa thuận điều chỉnh giảm tối đa 25% tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định tại dự thảo Nghị định; trong trường hợp áp dụng giảm phí bảo hiểm, phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại dự thảo Nghị định.

b) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai

- Sửa đổi quy định về đối tượng áp dụng (*khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định*) theo hướng không quy định viện dẫn số hiệu văn bản cụ thể để đảm bảo được tính dự báo, thống nhất với hệ thống pháp luật, hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Bổ sung quy định về Giấy chứng nhận BHCNBB (*khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định*): DNBH phải cấp Giấy chứng nhận BHCNBB. Giấy chứng nhận BHCNBB do DNBH chủ động thiết kế và phải bao gồm một số nội dung trên cơ sở kế thừa quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP (Tên doanh nghiệp bảo hiểm, tên và địa chỉ người được bảo hiểm, tên và địa chỉ bên mua bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm...); bổ sung nội dung thông tin về đường dây nóng của doanh nghiệp bảo hiểm trên Giấy chứng nhận BHCNBB để bên mua bảo hiểm có thể liên hệ khi cần thiết; bổ sung quy định về cấp Giấy chứng nhận BHCNBB điện tử để đáp ứng xu thế của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tạo điều kiện thuận lợi cho DNBH và bên mua bảo hiểm thực hiện.

- Sửa đổi tỷ lệ chi từ nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy (*khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định*): Theo quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP nguồn thu từ DNBH để chi cho hoạt động PCCC là 1% trong tổng số phí BHCNBB. Dự thảo Nghị định giữ nguyên quy định hiện hành, chỉ sửa đổi tỷ lệ chi cho phù hợp với thực tiễn theo tổng kết đánh giá của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Bộ Công an). Theo báo cáo của Bộ Công an (Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ):

+ Tăng tỷ lệ chi cho hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện PCCC là cần thiết:

Do hiện nay có nhiều cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có quy mô lớn, có tính chất nguy hiểm cháy, nổ ngày càng cao cần tăng cường mua sắm trang thiết

bị, phương tiện hiện đại trong khi đó, nguồn vốn để thực hiện trang bị phương tiện, thiết bị PCCC cho lực lượng Cảnh sát PCCC không đủ.

Nguồn kinh phí đầu tư cho mua sắm trang thiết bị, phương tiện PCCC trong giai đoạn 2016-2020 khoảng 2.851,25 tỷ đồng, dự kiến giai đoạn 2021-2025 cần đầu tư tăng thêm rất lớn (khoảng 11.642,3 tỷ đồng). Nguồn kinh phí này chủ yếu từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác; kinh phí đóng góp cho hoạt động PCCC từ BHCNBB của DNBH chỉ là nguồn hỗ trợ thêm. Theo báo cáo, tổng kinh phí đóng góp cho hoạt động PCCC của DNBH từ năm 2008 đến nay khoảng gần 200 tỷ đồng (bình quân mỗi năm khoảng 17 tỷ đồng).

+ Việc điều chỉnh giảm tỷ lệ chi cho các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hoạt động khen thưởng...; hoạt động điều tra nguyên nhân vụ cháy, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiểm tra an toàn về PCCC không làm giảm hiệu quả của các hoạt động này. Việc chi cho các hoạt động trên có thể từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau hoặc từ nguồn xã hội hoá.

+ Việc điều chỉnh tỷ lệ chi trên phù hợp với chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ trong việc tiết kiệm chi thường xuyên để tăng đầu tư phát triển.

Do đó, Bộ Công an đề nghị tăng mức chi cho hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị PCCC từ 40% lên 65%, giảm mức chi cho tuyên truyền, phổ biến kiến thức PCCC và BHCNBB từ 30% xuống 15%; giảm mức chi cho hỗ trợ điều tra nguyên nhân vụ cháy, kiểm tra an toàn về PCCC, giám sát việc tham gia BHCNBB của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ từ 20% xuống 15%; giảm mức chi cho khen thưởng công tác PCCC từ 10% xuống 5%.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ và trách nhiệm của Bộ Công an trong việc ghi hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (*khoản 9 và khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định*) để tạo thuận lợi cho DNBH và bên mua bảo hiểm thỏa thuận phí bảo hiểm theo quy định.

- Sửa đổi quy định về chế độ báo cáo của DNBH (*khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định*) để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và đảm bảo thông tin kịp thời về nguồn kinh phí đóng góp cho hoạt động PCCC từ BHCNBB cho Bộ Công an.

- Sửa đổi cụm từ “cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy” thành “cơ quan Công an có thẩm quyền” (*khoản 2, khoản 6, khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định*) theo đề nghị của Bộ Công an để đảm bảo phù hợp với việc sắp xếp lại cơ cấu bộ máy của Bộ Công an.

2.7. Thay thế, bãi bỏ một số phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP (Điều 2 dự thảo Nghị định)

Dự thảo Nghị định quy định thay thế, bãi bỏ một số phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP.

2.8. Về điều khoản thi hành (Điều 3 dự thảo Nghị định)

Dự thảo Nghị định quy định về hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành của các bộ, ngành, cơ quan và đối tượng áp dụng.

2.9. Về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định

Việc thực hiện chính sách này không làm phát sinh thêm nhân lực mới của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện BHCNBB đã được quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP).

Chế độ BHCNBB đã được thực hiện từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2006/NĐ-CP. Theo quy định hiện nay, các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ khi mua bảo hiểm được tính chi phí mua BHCNBB vào giá thành sản phẩm, dịch vụ (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh) hoặc vào chi thường xuyên (đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác).

2.10. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Cho đến nay Việt Nam đã tham gia hai tổ chức thương mại, kinh tế đa phương (Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)), đã ký kết và thực thi 13 Hiệp định tự do thương mại (FTA). Các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định hoàn toàn tương thích với các điều ước, cam kết quốc tế, cụ thể như sau:

- Đảm bảo nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các DNBH Việt Nam và DNBH có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đảm bảo nguyên tắc mở rộng tiếp cận thị trường của các DNBH và bảo vệ cạnh tranh công bằng giữa các DNBH.

- Đảm bảo nguyên tắc minh bạch hoá về chính sách và tiếp cận thị trường. Dự thảo Nghị định sau khi được Chính phủ thông qua sẽ được công bố công khai theo quy định pháp luật và áp dụng thống nhất tại Việt Nam. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định đã có sự tham gia của tất cả các đối tượng chịu tác động.

2.11. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính và việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

- Dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ).

- Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về BHCNBB, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin trình kèm theo các tài liệu liên quan:

1. Dự thảo Nghị định.
2. Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
3. Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định.
4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định.
5. Bản đánh giá tác động của chính sách).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLBB.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP
ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ
quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 3 như sau:

“b) Cơ sở không có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền hoặc biên bản kiểm tra đã quá 01 năm tính từ thời điểm lập đến thời điểm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 như sau:

“b) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên (trừ cơ sở hạt nhân), doanh

ng nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm được phép thỏa thuận điều chỉnh giảm tối đa 25% tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp áp dụng giảm phí bảo hiểm, phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này”.

4. Bổ sung điểm c sau điểm b khoản 1 Điều 7 như sau:

“c) Đối với cơ sở hạt nhân: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức phí bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận”.

5. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7 như sau:

“Điều 7a. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

1. Doanh nghiệp bảo hiểm phải cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho bên mua bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do doanh nghiệp bảo hiểm chủ động thiết kế và phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm

b) Thuộc danh mục cơ sở: (nêu rõ thuộc danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ nào theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy)

c) Địa chỉ tài sản được bảo hiểm

d) Tài sản được bảo hiểm: (danh mục chi tiết tài sản và giá trị tài sản kèm theo)

đ) Số tiền bảo hiểm

e) Mức khấu trừ bảo hiểm

g) Thời hạn bảo hiểm

h) Tỷ lệ phí bảo hiểm, phí bảo hiểm, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm

i) Tên, địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng của doanh nghiệp bảo hiểm

k) Ngày, tháng, năm cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.

2. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Giấy chứng nhận bảo hiểm bằng điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và phản ánh đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau:

“b) Giảm trừ tối đa 10% số tiền bồi thường bảo hiểm trong trường hợp cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền, dẫn đến tăng thiệt hại khi xảy ra cháy, nổ”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 8 như sau:

“c) Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền tại thời điểm gần nhất thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm (bản sao)”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy được sử dụng như sau:

a) Hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Chi cho nội dung này không vượt quá 65% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

b) Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức phòng cháy, chữa cháy và bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc. Chi cho nội dung này không vượt quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

c) Hỗ trợ lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong các hoạt động sau: Điều tra nguyên nhân vụ cháy; bồi dưỡng nghiệp vụ, kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; giám sát việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ. Chi cho nội dung này không vượt quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

d) Hỗ trợ khen thưởng thành tích của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia, phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Chi cho nội dung này không vượt quá 5% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính”.

9. Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 12 như sau:

“4. Ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ đối với cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy trên cơ sở xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ của cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Lập và gửi các báo cáo đối với bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định sau:

a) Báo cáo nghiệp vụ:

Doanh nghiệp bảo hiểm phải lập và gửi Bộ Tài chính báo cáo nghiệp vụ năm theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, cụ thể như sau:

- Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

- Thời gian gửi báo cáo chậm nhất sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm.

- Phương thức gửi báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc gửi qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính (khi hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính được vận hành)."

b) Báo cáo tình hình thu, nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy:

Doanh nghiệp bảo hiểm phải lập và gửi Bộ Công an báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, cụ thể như sau:

- Thời gian chốt số liệu:

+ Báo cáo 6 tháng đầu năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 của năm báo cáo.

+ Báo cáo 6 tháng cuối năm: Tính từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

- Thời gian gửi báo cáo:

+ Báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất là ngày 31 tháng 7 hàng năm.

+ Báo cáo 6 tháng cuối năm: Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm tài chính kế tiếp.

- Phương thức gửi báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Công an (Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).

c) Ngoài các báo cáo theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm lập và gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính".

11. Bổ sung Điều 15b sau Điều 15 như sau:

"Điều 15b. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ

Xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy".

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

1. Bãi bỏ "Phụ lục I Mẫu Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc", "Phụ lục IV Báo cáo kết quả kinh doanh bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc".

2. Thay thế "Phụ lục II Mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc" bằng "Phụ lục I Mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc".

3. Thay thế “Phụ lục III Báo cáo doanh thu, bồi thường bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc” bằng “Phụ lục II Báo cáo doanh thu, bồi thường bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc”.

4. Thay thế “Phụ lục V Báo cáo tình hình thu, nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc” bằng “Phụ lục III Báo cáo tình hình thu, nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy”.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021.

2. Các hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đã giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp sửa đổi, bổ sung sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực, thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (...).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục I
MỨC PHÍ BẢO HIỂM
VÀ MỨC KHẤU TRỪ BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC
(Kèm theo Nghị định số /2021/NĐ-CP
ngày tháng năm 2021 của Chính phủ)

I. MỨC PHÍ BẢO HIỂM (CHƯA BAO GỒM THUẾ GTGT)

1. Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (trừ cơ sở hạt nhân) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm dưới 1.000 tỷ đồng, mức phí bảo hiểm được xác định bằng số tiền bảo hiểm tối thiểu nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm. Căn cứ vào mức độ rủi ro của từng cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận tỷ lệ phí bảo hiểm không thấp hơn tỷ lệ phí bảo hiểm sau:

STT	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Mức khấu trừ (loại)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm (%)
1	Trụ sở cơ quan nhà nước các cấp	M	0,05
2	Nhà chung cư, nhà tập thể, nhà ở ký túc xá, nhà hỗn hợp		
2.1	Nhà chung cư, nhà tập thể, nhà ở ký túc xá, nhà hỗn hợp có hệ thống chữa cháy tự động (springkler)	M	0,05
2.2	Nhà chung cư, nhà tập thể, nhà ở ký túc xá, nhà hỗn hợp không có hệ thống chữa cháy tự động (springkler)	M	0,1
3	Nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non; trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; trường cao đẳng, đại học, học viện, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề, cơ sở giáo dục thường xuyên; cơ sở giáo dục khác được thành lập theo Luật Giáo dục	M	0,05
4	Bệnh viện; phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão, cơ sở phòng chống dịch bệnh, trung tâm y tế, cơ sở y tế khác được thành lập theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh	M	0,05
5	Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc; trung tâm hội nghị, tổ chức sự kiện; nhà văn hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, quán bar, câu lạc bộ, thẩm mỹ viện, kinh doanh dịch vụ xoa bóp, công viên giải trí, vườn thú, thủy cung		
5.1	Cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, quán bar	N	0,4
5.3	Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc; trung tâm hội nghị, tổ chức sự kiện; nhà văn hóa, câu lạc bộ, thẩm mỹ viện, kinh doanh dịch vụ xoa bóp,	M	0,1
5.4	Công viên giải trí, vườn thú, thủy cung	M	0,05
6	Chợ; trung tâm thương mại, điện máy, siêu thị, cửa hàng bách hoá, cửa hàng tiện ích, nhà hàng, cửa hàng ăn uống		

STT	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Mức khấu trừ (loại)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm (%)
6.1	Trung tâm thương mại	M	0,06
6.2	Siêu thị, cửa hàng bách hóa, <i>điện máy, cửa hàng tiện ích</i>	M	0,08
6.3	<i>Nhà hàng, cửa hàng ăn uống</i>	M	0,15
6.4	Chợ	N	0,5
7	Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, <i>nhà trọ, cơ sở lưu trú khác được thành lập theo Luật Du lịch</i>		
7.1	Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, <i>nhà trọ, cơ sở lưu trú khác được thành lập theo Luật Du lịch có hệ thống chữa cháy tự động (springkler)</i>	M	0,05
7.2	Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, <i>nhà trọ, cơ sở lưu trú khác được thành lập theo Luật Du lịch không có hệ thống chữa cháy tự động (springkler)</i>	M	0,1
8	Nhà làm việc của doanh nghiệp, tổ chức chính trị, xã hội	M	0,05
9	Bảo tàng, thư viện, triển lãm, <i>nhà trưng bày, nhà lưu trữ, nhà sách, nhà hội chợ</i>		
9.1	Bảo tàng, thư viện, <i>nhà trưng bày, nhà lưu trữ</i>	M	0,075
9.2	Triển lãm, <i>nhà sách, nhà hội chợ</i>	M	0,12
10	Bưu điện, cơ sở truyền thanh, truyền hình, viễn thông; <i>nhà lắp đặt thiết bị thông tin, trung tâm lưu trữ, quản lý dữ liệu</i>	M	0,075
11	Sân vận động; nhà thi đấu thể thao; <i>cung thể thao trong nhà; trung tâm thể dục thể thao, trường đua, trường bắn; cơ sở thể thao khác được thành lập theo Luật Thể dục, thể thao</i>	M	0,06
12	Cảng hàng không; <i>đài kiểm soát không lưu; bến cảng biển; cảng cạn; cảng thủy nội địa; bến xe khách; trạm dừng nghỉ; nhà ga đường sắt, nhà chờ cáp treo vận chuyển người; công trình tàu điện ngầm; cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới; cửa hàng kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe gắn máy</i>		
12.1	Bến cảng biển; <i>cảng cạn; cảng thủy nội địa; bến xe khách; trạm dừng nghỉ; nhà chờ cáp treo vận chuyển người; công trình tàu điện ngầm; cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới</i>	M	0,1
12.2	Nhà ga đường sắt; <i>công trình tàu điện ngầm</i>	N	0,12
12.3	Cảng hàng không; <i>đài kiểm soát không lưu</i>	M	0,08
12.4	<i>Cửa hàng kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe gắn máy</i>	N	0,15
13	Gara để xe	N	0,12
14	Cơ sở sản xuất, <i>kinh doanh, bảo quản, sử dụng</i> vật liệu nổ công nghiệp và <i>tiền chất thuốc nổ; kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; cảng xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; kho vũ khí, công cụ hỗ trợ</i>	N	0,5
15	Cơ sở khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, bảo quản dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt <i>trên đất liền; kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, kho khí đốt; cảng xuất, nhập dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt; cửa hàng kinh doanh xăng dầu; cửa hàng kinh doanh chất lỏng dễ cháy, cửa hàng kinh doanh khí đốt</i>		
15.1	Cơ sở khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh,	N	0,35

STT	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Mức khấu trừ (loại)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm (%)
	<u>bảo quản dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt trên đất liền</u>		
15.2	Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, kho khí đốt; cảng xuất, nhập dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt; cửa hàng kinh doanh xăng dầu; cửa hàng kinh doanh chất lỏng dễ cháy, cửa hàng kinh doanh khí đốt	N	0,3
16	Cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E*		
16.1	a) Cơ sở sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C (trừ cơ sở sản xuất gỗ, giấy)	N	0,2
	<u>Trong đó:</u>		
	<u>Nhà máy lưu hóa cao su</u>	N	0,2
	<u>Xưởng sản xuất giấy, chế biến giấy</u>	N	0,35
	<u>Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ</u>	N	0,2
	<u>Sản xuất bao bì carton, bao bì công nghiệp</u>	N	0,2
	<u>Xưởng khắc, chạm (làm chổi, bàn chải, chổi sơn, trừ phân xử lý gỗ)</u>	N	0,2
	<u>Luyện quặng (trừ quặng sắt)</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy luyện than cốc, sản xuất than đá bánh, than non bánh</u>	N	0,2
	<u>Khai thác mỏ quặng kim loại các loại</u>	N	0,2
	<u>Cơ sở chế biến phế liệu vải sợi (như phân loại, giặt, chải, buôn bán)</u>	N	0,2
	<u>Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây có phủ nhựa, nhựa đường)</u>	N	0,2
	<u>Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây không có phủ nhựa, nhựa đường)</u>	N	0,2
	<u>Xưởng dệt kim</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất chế biến lông thú, may da thú</u>	N	0,2
	<u>Nhuộm vải, in trên vải</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy dệt các loại sợi khác (cotton, vitco, lanh, gai, đay)</u>	N	0,2
	<u>Xưởng xe, kéo sợi</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất thảm, tấm trải sàn</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy chỉ khâu</u>	N	0,2
	<u>Xưởng giặt, là, tẩy, hấp, nhuộm</u>	N	0,2
	<u>Máy đồ lót, dệt ten các loại</u>	N	0,2
	<u>Máy quần áo các loại</u>	N	0,2
	<u>Sản xuất các sản phẩm dệt chưa phân loại khác</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất các mặt hàng làm từ da thuộc</u>	N	0,2
	<u>Xưởng sản xuất dây chun</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất da thuộc</u>	N	0,2
	<u>Sản xuất lụa, tơ tằm</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy dệt tơ, len, sợi tổng hợp</u>	N	0,2
	<u>Cơ sở chế biến bàn chải</u>	N	0,2
	<u>Sản xuất sơn</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy hóa chất vô cơ và hữu cơ chế biến nguyên liệu và bán thành phẩm sản phẩm như phân bón dạng hạt, viên nhỏ, bột hoặc axit, muối, dung môi, cao su tổng hợp</u>	N	0,2
	<u>Cơ sở sản xuất áo đi mưa, nhựa tấm, khăn trải bàn</u>	N	0,2

STT	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Mức khấu trừ (loại)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm (%)
	<u>Sản xuất xi nê, sáp đánh bóng</u>	N	0,2
	<u>Sản xuất nhựa đúc, nhựa thanh</u>	N	0,2
	<u>Cơ sở sản xuất nút chai</u>	N	0,2
	<u>Sản xuất xà phòng, hóa mỹ phẩm</u>	N	0,2
	<u>Sản xuất sản phẩm nhựa lắp ráp</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất chất dẻo, cao su đặc</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ cao su</u>	N	0,2
	<u>Xưởng sản xuất hoa giả</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy in, xưởng in (không tính sản xuất giấy, chế biến giấy)</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất mực in</u>	N	0,2
	<u>Xưởng đóng sách</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy làm phân trộn</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy đốt rác</u>	N	0,2
	<u>Xưởng sơn</u>	N	0,2
	<u>Sản xuất vật liệu xây dựng có gỗ, giấy, chất dễ cháy (trừ sản xuất nội thất bằng gỗ)</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất cồn và các chất lỏng dễ cháy khác (trừ dầu mỏ, khí đốt)</u>	N	0,2
	<u>Nhà máy sản xuất pin</u>	N	0,2
	<u>Cơ sở vẽ tranh, phóng ảnh, làm pano quảng cáo</u>	N	0,2
	<u>Trung tâm tổ chức đám ma/ hỏa táng</u>	N	0,2
	<u>Cơ sở sản xuất giấy ráp</u>	N	0,2
16.1	b) Cơ sở sản xuất gỗ	N	0,5
	<u>Trong đó:</u>		
	<u>Nhà máy sản xuất than củi</u>	N	0,5
	<u>Nhà máy/ xưởng sản xuất bút chì gỗ</u>	N	0,5
	<u>Xưởng làm rổ, sọt, sản phẩm làm từ mây, tre, nứa</u>	N	0,5
	<u>Nhà máy sản xuất diêm, hương, vàng mã</u>	N	0,5
	<u>Nhà máy/ xưởng sản xuất, chế biến đồ gỗ các loại</u>	N	0,5
16.1	c) Cơ sở sản xuất giấy	N	0,35
16.2	Cơ sở sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ D, E	M	0,15
	<u>Trong đó:</u>		
	<u>Nhà máy sản xuất sắt, thép</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy chế biến, gia công quặng khác</u>	M	0,15
	<u>Chế biến (sỏi, đá dăm, than xỉ trộn nhựa) với asphat hoặc bitumen</u>	M	0,15
	<u>Sản xuất khoáng sản (cưa, mài, đánh bóng)</u>	M	0,15
	<u>Sản xuất và chế biến thủy tinh rỗng, chai lọ, dụng cụ quang học, kính cửa, kính tắm</u>	M	0,15
	<u>Xưởng phim, phòng in tráng phim</u>	M	0,15
	<u>Sản xuất vật liệu phim ảnh</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy/xưởng đánh bóng, xay xát gạo, bột mì, nông sản thực phẩm các loại</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất, chế biến thức ăn gia súc và thức ăn khác</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất mì ăn liền, cháo ăn liền</u>	M	0,15

STT	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Mức khấu trừ (loại)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm (%)
	<u>Nhà máy đường</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất bánh kẹo</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất đậu ăn</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất nước mắm, dấm</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất thực phẩm đồ hộp, chế biến thủy sản, thịt, sữa</u>	M	0,15
	<u>Xưởng mạch nha</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy bia, rượu, nước trái cây, nước trái cây, nước khoáng và nước uống các loại, xưởng ủ bia</u>	M	0,15
	<u>Xưởng hàn, cắt</u>	M	0,15
	<u>Sản xuất đồ gốm thông thường và cao cấp như gạch lát, đồ sứ, đồ đất nung, đồ gốm...</u>	M	0,15
	<u>Lò đúc</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy xi măng</u>	M	0,15
	<u>Cơ sở sản xuất thiết bị điện</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất cấu trúc kim loại và cấu kiện lắp sẵn</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất vỏ đồ hộp kim loại</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất ốc vít và gia công các kim loại khác</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy xử lý nước</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy xử lý chất thải rắn (không sử dụng công nghệ đốt)</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất máy lọc nước</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất đồng hồ</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất pin mặt trời</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất thiết bị cơ khí</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, xe đạp, xe máy và phụ tùng các loại</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy, xe điện... các loại</u>	M	0,15
	<u>Sản xuất và chế biến vàng, bạc, đồ trang sức</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất lắp ráp linh kiện điện tử (máy in, máy ảnh, máy tính, đồ gia dụng...) thiết bị viễn thông, chất bán dẫn</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất cáp quang, cáp đồng</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất phụ tùng máy bay</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất vòng bi, ổ răng</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất khóa kéo bằng kim loại</u>	M	0,15
	<u>Nhà máy sản xuất dược phẩm</u>	M	0,15
17	Nhà máy điện; trạm biến áp	N	0,15
17.1	Nhà máy nhiệt điện	N	0,15
17.2	Nhà máy thủy điện; nhà máy điện nguyên tử, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối, điện khí biogas, điện đồng phát và nhà máy điện khác	N	0,12
17.3	Nhà máy điện gió, điện mặt trời	N	0,5
17.4	Trạm biến áp, đường dây truyền tải điện	N	0,2
18	Hầm có hoạt động sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ; kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được		
18.1	Hầm có hoạt động sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ	N	0,5

STT	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Mức khấu trừ (loại)	Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm (%)
18.2	Kho hàng hóa, vật tư cháy được (kho độc lập, không nằm trong phạm vi nhà máy, cơ sở có hoạt động sản xuất)	N	0,2
	<u>Trong đó:</u>		
	<u>Kho hàng hóa tổng hợp, bãi hàng hóa</u>	N	0,2
	<u>Kho nhựa đường</u>	N	0,2
	<u>Kho sơn</u>	N	0,2
	<u>Kho chứa hóa chất</u>	N	0,2
	<u>Kho thành phẩm, bán thành phẩm nhựa, cao su</u>	N	0,2
	<u>Kho rượu cồn và các chất lỏng dễ cháy</u>	N	0,2
	<u>Kho bông vải sợi, len da, sản phẩm dệt</u>	N	0,2
	<u>Kho giấy, bìa, bao bì</u>	N	0,2
	<u>Kho đồ gỗ và các sản phẩm về gỗ</u>	N	0,2
	<u>Kho tinh dầu, hương liệu, dầu ăn</u>	N	0,2
	<u>Kho ngành thuốc lá</u>	N	0,2
	<u>Kho dược phẩm</u>	N	0,2
	<u>Kho vật tư ngành ảnh</u>	N	0,2
	<u>Kho hàng thiết bị điện, điện tử</u>	N	0,2
	<u>Kho hàng nông sản</u>	N	0,2
	<u>Kho lạnh</u>	N	0,2
	<u>Kho vật liệu xây dựng</u>	N	0,2
18.3	Hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được (độc lập, không nằm trong phạm vi nhà máy, cơ sở có hoạt động sản xuất)	M	0,1
	<u>Trong đó:</u>		
	<u>Vật liệu xây dựng</u>	M	0,1
	<u>Gạch, đồ gốm sứ, xi măng, thạch cao</u>	M	0,1
	<u>Kim loại, phụ tùng cơ khí</u>	M	0,1
	<u>Dầu nhớt, mỡ bôi trơn</u>	M	0,1
	<u>Nước khoáng và đồ uống các loại</u>	M	0,1

Trường hợp thời hạn bảo hiểm khác 01 năm, phí bảo hiểm được tính dựa trên phí bảo hiểm nêu trên và tương ứng với thời hạn được bảo hiểm. Cách tính cụ thể như sau:

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Phí bảo hiểm năm} & & \text{Thời hạn được} \\
 \text{theo danh mục cơ} & & \\
 \text{sở có nguy hiểm về} & & \\
 \text{cháy, nổ} & & \\
 \hline
 \text{Phí bảo hiểm} & = & \text{bảo hiểm (ngày)} \\
 \text{phải nộp} & & \text{365 (ngày)} \\
 & & \times
 \end{array}$$

Ghi chú:

M, N là các ký hiệu về loại mức khấu trừ quy định tại khoản 1 Mục II Phụ lục này.

Đối với Cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E (nhóm 16): Trường hợp phân hạng nguy hiểm cháy, nổ của cơ sở sản xuất công nghiệp tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy khác so với chi tiết tại nhóm 16 nêu trên thì thực hiện theo Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

2. Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên (trừ cơ sở hạt nhân), doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm được phép thỏa thuận điều chỉnh giảm tối đa 25% tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Mục này. Trong trường hợp áp dụng giảm phí bảo hiểm, phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại khoản 1 Mục này.

3. Đối với cơ sở hạt nhân: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức phí bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận.

II. MỨC KHẤU TRỪ BẢO HIỂM

1. Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (trừ cơ sở hạt nhân) có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm dưới 1.000 tỷ đồng:

a) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại M quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục này: Mức khấu trừ bảo hiểm tối đa là 1% số tiền bảo hiểm và không thấp hơn mức khấu trừ bảo hiểm quy định tại điểm c khoản này.

b) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại N quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục này: Mức khấu trừ bảo hiểm tối đa là 10% số tiền bảo hiểm và không thấp hơn mức khấu trừ bảo hiểm quy định tại điểm c khoản này.

c) Trong mọi trường hợp, mức khấu trừ bảo hiểm quy định tại điểm a và điểm b khoản này không thấp hơn mức khấu trừ bảo hiểm sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số tiền bảo hiểm	Mức khấu trừ bảo hiểm
Đến 2.000	4
Trên 2.000 đến 10.000	10
Trên 10.000 đến 50.000	20
Trên 50.000 đến 100.000	40
Trên 100.000 đến 200.000	60
Trên 200.000	100

2. Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên và cơ sở hạt nhân, doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức khấu trừ bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận./.

Phụ lục II
BÁO CÁO DOANH THU, BỒI THƯỜNG
BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC
(Kèm theo Nghị định số /2021/NĐ-CP
ngày tháng năm 2021 của Chính phủ)

Tên doanh nghiệp bảo hiểm:

Kỳ báo cáo: Năm ...

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục cơ sở (*)	Phí bảo hiểm		Bồi thường bảo hiểm	
		Phí bảo hiểm gốc	Phí bảo hiểm giữ lại	Bồi thường bảo hiểm gốc	Bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm giữ lại
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					

(*) Doanh nghiệp bảo hiểm báo cáo theo danh mục cơ sở nêu tại khoản 1 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực./.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Phụ lục III
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU, NỘP
TỪ BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC
(Kèm theo Nghị định số /2021/NĐ-CP
ngày tháng năm 2021 của Chính phủ)

Tên doanh nghiệp bảo hiểm:

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm.../6 tháng cuối năm...

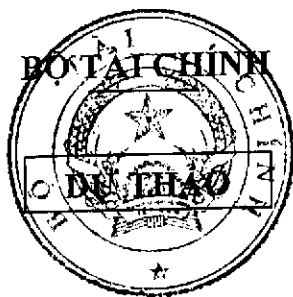
Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu báo cáo	Số tiền
1	Tổng số phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thực tế thu được của các hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính trước liền kề	
2	Số tiền phải nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong năm tài chính	
3	Số tiền đã nộp 6 tháng đầu năm/6 tháng cuối năm	
4	Số tiền còn phải nộp trong năm tài chính	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực./.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP
ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về
bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2018/NĐ-CP) như sau:

1. Rà soát, đảm bảo phù hợp với các căn cứ pháp luật của dự thảo

1.1. Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

Các Luật này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ, có liên quan đến việc ban hành các quy định đối với chính sách tài chính, trong đó có bảo hiểm.

Các quy định tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 23/2018/NĐ-CP đã được rà soát đảm bảo phù hợp với các Luật nêu trên; đồng thời đảm bảo đồng bộ với các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

1.2 Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019

Các Luật này quy định về hình thức, nội dung của hợp đồng bảo hiểm, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan; việc thành lập và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; các vấn đề về tài chính, hạch toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; các nội dung quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.

Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thuộc nghiệp vụ bảo hiểm cháy, nổ, là một trong các nghiệp vụ bảo hiểm được quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm. Các quy định tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP đã được rà soát đảm bảo phù hợp với các Luật nêu trên; đồng thời đảm bảo đồng bộ với các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

1.3. Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013

Các Luật này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các biện pháp, lực lượng, phương tiện và quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy; bảo hiểm cháy, nổ.

Các quy định tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP đã được rà soát đảm bảo phù hợp với các Luật nêu trên; đồng thời đảm bảo đồng bộ với các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

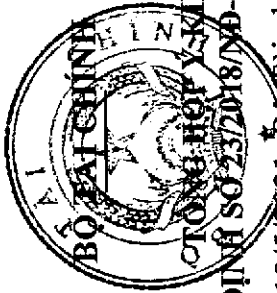
2. Rà soát, đảm bảo đồng bộ với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Ngày 24/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2021, thay thế Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ được sửa đổi và quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Các quy định tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 23/2018/NĐ-CP đã được rà soát đảm bảo phù hợp với các quy định tại Nghị định nêu trên.

Như vậy, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm và phòng cháy, chữa cháy sẽ được quy định đồng bộ, tương hỗ lẫn nhau chứ không bị vướng mắc, chồng chéo.

Trên đây là Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP của Bộ Tài chính, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TRƯỜNG HỢP Y KIẾN VỀ HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2018/NĐ-CP NGÀY 23/02/2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC**

Tính đến ngày 18/5/2024, Bộ Tài chính nhận được ý kiến tham gia của 5 Bộ có liên quan (Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (HHBHVN) và 25 doanh nghiệp bảo hiểm (Bảo Việt, PVI, PJICO, GIC, VASS, PTI, Bảo Long, AAA, BIC, ABIC, Phú Hưng, MIC, VBI, UIC, TMIV, QBE, Groupama, Liberty, Chubb, MSIG, Cathay, OPES, HDI, Vinare). Các ý kiến tham gia về câu chữ, thể thức, kỹ thuật trình bày soạn thảo văn bản, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Ngoài ra, Bộ Tài chính xin tiếp thu và giải trình các ý kiến tham gia, cụ thể như sau:

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
I. Dự thảo Nghị định			
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc			
1	1. Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 3 như sau: “2a. Doanh nghiệp bảo hiểm phải cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho bên mua bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do doanh nghiệp bảo hiểm chủ động thiết kế và phải bao gồm các nội dung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này	Bộ Tư pháp: Phụ lục I hiện đang thiết kế theo hướng Mẫu Giấy chứng nhận bảo hiểm. Do đó đề nghị cân nhắc đưa các nội dung bắt buộc của Giấy chứng nhận quy định ngay tại dự thảo để đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện trong việc áp dụng pháp luật. Bộ Công an: Đề nghị bỏ nội dung khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị định và bổ sung Điều 4a sau Điều 4 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP như sau: “2. Bổ sung Điều 4a sau Điều 4 như sau: Điều 4a: Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ bắt buộc 1. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (sau đây gọi là Giấy chứng nhận bảo hiểm) là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc giữa bên mua bảo	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: 5. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7 như sau: “ Điều 7a. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc 1. Doanh nghiệp bảo hiểm phải cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho bên mua bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do doanh nghiệp bảo hiểm chủ động thiết kế và phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm. 2. Doanh nghiệp bảo hiểm phải cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho bên mua bảo hiểm theo đúng mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và phản ánh đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.” OPEs: Đề nghị bổ sung thêm quy định về GCNBH điện tử như đối với GCNBH TNDS chủ xe cơ giới: “2b. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và phải bao gồm các nội dung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.”	hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm b) Thuộc danh mục cơ sở: (nêu rõ thuộc danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ nào theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy) c) Địa chỉ tài sản được bảo hiểm d) Tài sản được bảo hiểm: (danh mục chi tiết tài sản và giá trị tài sản kèm theo) đ) Số tiền bảo hiểm e) Mức khấu trừ bảo hiểm g) Thời hạn bảo hiểm h) Tỷ lệ phí bảo hiểm, phí bảo hiểm, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm i) Tên, địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng của doanh nghiệp bảo hiểm k) Ngày, tháng, năm cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm. 2. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Giấy chứng nhận bảo hiểm bằng điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và phản ánh đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này”.
2	2. Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 12 như sau:	Bộ Tư pháp: Đề dự thảo Nghị định sau khi ban hành đảm bảo được tính dự báo, thống nhất với hệ thống pháp luật,	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại khoản 1, khoản 9, khoản 11

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	“4. Ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)”.	hạn chế việc phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, đề nghị cân nhắc không quy định theo hướng viện dẫn số hiệu văn bản cụ thể. Đồng thời, đề nghị rà soát, cân nhắc lại quy định “và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)” theo hướng lược bỏ quy định này, đảm bảo sự minh bạch, cụ thể của quy định pháp luật. Bộ Công an: Đề nghị bỏ nội dung khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị định và sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP như sau: “1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 3 như sau: a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này (sau đây gọi là “bên mua bảo hiểm”) phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tại các doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm cháy, nổ theo quy định pháp luật. Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).” AAA: Đề nghị bổ sung và ghi rõ về hạng nguy hiểm cháy nổ A,B,C,D,E tại phương án phòng cháy chữa cháy và biên bản kiểm tra an toàn PCCC GIC: Đề nghị rà soát việc ghi hạng nguy hiểm cháy nổ có phải là quy định bắt buộc phải có trong Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản PCCC hay không? Đề nghị sửa như sau:	Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau: “1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy”. 9. Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 12 như sau: “4. Ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ đối với cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy trên cơ sở xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ của cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ”. 11. Bổ sung Điều 15b sau Điều 15 như sau: “Điều 15b. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ Xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy”.

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<i>“Ghi hàng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp tại Biên bản nghiệm thu hệ thống và Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ...”</i> BIC: Đề nghị bổ sung: “Cơ quan PCCC cung cấp danh sách các cơ sở đang tạm đình chỉ hoặc đình chỉ do vi phạm quy định về PCCC theo hàng quý để DNBH có cơ sở thực hiện” PJICO: Đề nghị sửa như sau: Ghi hàng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp tại Biên bản nghiệm thu hệ thống và kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở	
3	3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau: “1. Lập và gửi các báo cáo đối với bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định sau:	Bộ Tư pháp: Đề nghị rà soát lại quy định các mốc thời gian để đảm bảo tính nhất quán, hạn chế gia tăng thủ tục hành chính	Bộ Tài chính xin giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau: - Đối với quy định về việc gửi báo cáo nghiệp vụ BHCNBB, dự thảo Nghị định quy định DNBH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo hàng năm. - Đối với quy định về việc gửi báo cáo tình hình thu, nộp từ BHCNBB cho hoạt động PCCC, dự thảo Nghị định DNBH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo 6 tháng tương ứng với việc nộp kinh phí đóng góp cho hoạt động PCCC từ BHCNBB.
4	a) Báo cáo nghiệp vụ: Doanh nghiệp bảo hiểm phải lập và gửi Bộ Tài chính báo cáo nghiệp vụ năm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, cụ thể như sau:	Bộ Nội vụ: Quy định về thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm là không phù hợp. Đề nghị rà soát, chỉnh sửa theo hướng thời gian gửi báo cáo là sau ngày 31/12 của năm báo cáo để đảm bảo tính thống nhất và khả thi trong tổ chức thực hiện.	Bộ Tài chính xin giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau: Báo cáo nghiệp vụ của DNBH là báo cáo đặc thù. Theo pháp luật kế toán và pháp luật kinh doanh bảo hiểm, năm tài chính của DNBH tính từ ngày 01/01-31/12,

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	- Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo. - Thời gian gửi báo cáo chậm nhất sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm. - Phương thức gửi báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc gửi qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính (khi hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính được vận hành)."		DNBH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm.
4	b) Báo cáo tình hình thu, nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy: Doanh nghiệp bảo hiểm phải lập và gửi Bộ Công an báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này, cụ thể như sau: - Thời gian chốt số liệu: + Báo cáo 6 tháng đầu năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 của năm báo cáo. + Báo cáo 6 tháng cuối năm: Tính từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo. - Thời gian gửi báo cáo: + Báo cáo 6 tháng đầu năm: Chậm nhất là ngày 31 tháng 7 hàng năm. + Báo cáo 6 tháng cuối năm: Chậm nhất là	VCCI: Về Báo cáo tình hình thu, nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: (1) Đề nghị bổ sung phương thức gửi "qua hệ thống thư điện tử" (2) Xem xét điều chỉnh tần suất từ 06 tháng/lần thành hàng năm. AAA: Đề nghị Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam là đầu mối tiếp nhận và chuyển tiếp cho cơ quan PCCC.	Bộ Tài chính xin giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau: - Đối với quy định về việc gửi báo cáo tình hình thu, nộp từ BHCNBB cho hoạt động PCCC, dự thảo Nghị định DNBH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo 6 tháng tương ứng với việc nộp kinh phí đóng góp cho hoạt động PCCC từ BHCNBB. - Bộ Công an tiếp nhận báo cáo tình hình thu, nộp từ BHCNBB cho hoạt động PCCC là phù hợp để thuận lợi cho việc rà soát, theo dõi tình hình thu, nộp.

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	ngày 31 tháng 01 của năm tài chính kế tiếp. - Phương thức gửi báo cáo: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Công an (Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).		
5	c) Ngoài các báo cáo theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm lập và gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính”.	VCCI: Đề nghị quy định rõ những trường hợp đột xuất nào doanh nghiệp phải báo cáo để tránh quy định này bị lạm dụng, gây áp lực về thủ tục cho doanh nghiệp.	Bộ Tài chính xin giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau: Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP: “Điều 4. Các loại chế độ báo cáo ...3. Chế độ báo cáo đột xuất là chế độ báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh bất thường”.
Điều 3. Điều khoản thi hành			
6	1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021. 2. Điều khoản chuyển tiếp: Các hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đã giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp sửa đổi, bổ sung sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực, thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	Bộ Tư pháp: Đề nghị bỏ cụm từ “điều khoản thi hành” AAA: Về điều khoản chuyển tiếp, đề nghị làm rõ hơn việc áp dụng theo Nghị định mới chỉ áp dụng cho chính sửa đổi, bổ sung vừa được điều chỉnh. VBI: Trường hợp sửa đổi, bổ sung các nội dung không được quy định tại Nghị định mới như thông tin của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, tài lý lệ phí, mức khấu trừ có tính lại theo Nghị định mới không? Trường hợp không đề nghị Ban soạn thảo xem xét quy định rõ để áp dụng thông nhất, tránh tranh chấp: “Trường hợp sửa đổi, bổ sung các nội dung được quy định tại Nghị định này sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực, thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại Điều 2 dự thảo Nghị định. Trường hợp sửa đổi, bổ sung sau thời điểm Nghị định mới có hiệu lực (bao gồm tất cả các sửa đổi, bổ sung) thì thực hiện theo quy định tại Nghị định mới.

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		PTI: Đề nghị sửa như sau: Trường hợp sửa đổi, bổ sung sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực, các đối tượng, nội dung được sửa đổi bổ sung sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	
II. Nội dung khác			
7	Khoản 1 Điều 2 Nghị định 23/2018/NĐ-CP: “1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).”	Bộ Công an: Đề nghị sửa như sau: “1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.”	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau: “1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy”.
8	Điểm b Khoản 2 Điều 3 Nghị định 23/2018/NĐ-CP: “3. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền từ chối bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong các trường hợp sau: ...b) Cơ sở không có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đã quá 01 năm tính từ thời điểm lập đến thời điểm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.”	Bộ Công an: Đề nghị sửa như sau: “b) Cơ sở không có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền hoặc biên bản kiểm tra đã quá 01 năm tính từ thời điểm lập đến thời điểm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.”	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: 2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 3 như sau: “b) Cơ sở không có biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền hoặc biên bản kiểm tra đã quá 01 năm tính từ thời điểm lập đến thời điểm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc”.
9	Khoản 2 Điều 4 Nghị định 23/2018/NĐ-CP về đối tượng bảo hiểm: “2. Đối tượng bảo hiểm và địa điểm của đối tượng bảo hiểm	HHBH, PJICO, Bảo Việt, PTI: Đề nghị bổ sung như sau: 2. Đối tượng bảo hiểm và địa điểm của đối tượng bảo hiểm phải được ghi rõ trong Giấy yêu cầu bảo hiểm, hợp đồng	Bộ Tài chính xin giữ nguyên như dự thảo Nghị định và giải trình như sau:

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<i>phải được ghi rõ trong hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm.</i>	<i>bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm. PTI: Đề nghị bổ sung thêm Phụ lục quy định nội dung của Giấy yêu cầu bảo hiểm</i>	- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP không quy định về Giấy yêu cầu bảo hiểm. - Dự thảo Nghị định đã quy định một số nội dung bắt buộc của Giấy chứng nhận bảo hiểm.
10	Khoản 2 Điều 6 Nghị định 23/2018/NĐ-CP về Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	BIC: - Đề nghị điều chỉnh loại trừ tại dòng cuối điểm a khoản 2 Điều 6 thành: “<i>Bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi hoặc thông qua hoặc do hậu quả của việc cháy rừng, bụi cây, đồng cỏ, hoang mạc, rừng nhiệt đới dù là ngẫu nhiên hay không đốt cháy với mục đích làm sạch đồng ruộng, đất đai</i>” do wording quốc tế đang loại trừ hết do chủ quan hay khách quan. - Đề nghị bổ sung loại trừ: + Thiệt hại xảy ra đối với nòi hoi, bình đun nước bằng hơi tiết kiệm (economizer), bình chứa, máy móc hoặc thiết bị có sử dụng áp lực hoặc đối với các chất liệu chứa trong các máy móc thiết bị đó do chung bị nổ; + Bất cứ ngôi nhà nào chứa các tài sản được bảo hiểm bị bỏ trống (không có người cư trú) và duy trì tình trạng này từ 30 ngày trở lên.	Bộ Tài chính xin giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì quy định hiện tại vẫn phù hợp với thực tế.
11	Điểm b Khoản 2 Điều 7 Nghị định 23/2018/NĐ-CP: “ <i>b) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy; nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên và cơ sở hạt nhân: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức khấu trừ bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp</i>	Bộ Công an: Đề nghị sửa như sau: “<i>b) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy; nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên (trừ cơ sở hạt nhân), doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm được phép thỏa thuận điều chỉnh giảm tối đa 25% tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Mục này. Trong trường hợp áp dụng giảm phí bảo hiểm, phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x)</i>	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 như sau: “<i>b) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở</i>

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	thuận."		lên (trừ cơ sở hạt nhân), doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm được phép thỏa thuận điều chỉnh giảm tối đa 25% tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp áp dụng giảm phí bảo hiểm, phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này". 4. Bổ sung điểm c sau điểm b khoản 1 Điều 7 như sau: "c) Đối với cơ sở hạt nhân: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức phí bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận".
12	Khoản 1 Điều 8 Nghị định 23/2018/NĐ-CP về Nguyên tắc bồi thường bảo hiểm "b) Giảm trừ tối đa 10% số tiền bồi thường bảo hiểm trong trường hợp cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền, dẫn đến tăng thiệt hại khi xảy ra cháy, nổ." BIC: Đề nghị bổ sung "chế tài bồi thường tối thiểu 30% trong trường hợp địa điểm bảo hiểm chưa được nghiệm thu hệ thống PCCC mà đã đưa vào hoạt động	Bộ Công an: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau: "b) Giảm trừ tối đa 10% số tiền bồi thường bảo hiểm trong trường hợp cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền, dẫn đến tăng thiệt hại khi xảy ra cháy, nổ." BIC: Đề nghị bổ sung "chế tài bồi thường tối thiểu 30% trong trường hợp địa điểm bảo hiểm chưa được nghiệm thu hệ thống PCCC mà đã đưa vào hoạt động	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: 6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau: "b) Giảm trừ tối đa 10% số tiền bồi thường bảo hiểm trong trường hợp cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
13	Điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định 23/2018/NĐ-CP: “ <i>Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tại thời điểm gần nhất thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm (bản sao).</i> ”	Bộ Công an: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “ <i>c) Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền tại thời điểm gần nhất thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm (bản sao).</i> ”	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: 7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 8 như sau: “ <i>c) Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền tại thời điểm gần nhất thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm (bản sao).</i> ”.
14	Khoản 1 Điều 9 Nghị định 23/2018/NĐ-CP về mức thu từ DNBH: “ <i>1. Mức thu từ doanh nghiệp bảo hiểm triển khai tài chính là 1% tổng số phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thực tế thu được của các hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính trước liền kề.</i> ”	PTI: Đề nghị giảm mức thu từ 1%=>0,5% để tránh gây khó khăn cho hoạt động của DNBH	Bộ Tài chính xin giữ nguyên quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP để tăng cường hỗ trợ cho hoạt động PCCC từ BHCNNB.
15	Khoản 3 Điều 10 Nghị định 23/2018/NĐ-CP: “ <i>Nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy được sử dụng như sau:</i> a) Hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Chi cho nội dung này không vượt quá 40% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính trước liền kề.”	Bộ Công an: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “ <i>3. Nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy được sử dụng như sau:</i> a) Hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Chi cho nội dung này không vượt quá 65% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành.”	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau: “ <i>3. Nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy được sử dụng như sau:</i> a) Hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	tài chính. b) Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức phòng cháy; chữa cháy và bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 30% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. c) Hỗ trợ lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong các hoạt động sau: Điều tra nguyên nhân vụ cháy; bồi dưỡng nghiệp vụ, kiểm tra an toàn về phòng cháy và vụ, kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; giám sát việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. d) Hỗ trợ khen thưởng thành tích của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia, phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 5% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. d) Hỗ trợ khen thưởng thành tích của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia, phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 10% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính."	b) Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức phòng cháy; chữa cháy và bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính c) Hỗ trợ lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong các hoạt động sau: Điều tra nguyên nhân vụ cháy; bồi dưỡng nghiệp vụ, kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; giám sát việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính d) Hỗ trợ khen thưởng thành tích của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia, phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 5% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính."	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 65% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. b) Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức phòng cháy, chữa cháy và bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. c) Hỗ trợ lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong các hoạt động sau: Điều tra nguyên nhân vụ cháy; bồi dưỡng nghiệp vụ, kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; giám sát việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. d) Hỗ trợ khen thưởng thành tích của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia, phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Chỉ cho nội dung này không vượt quá 5% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính."

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
16		Bảo Long: - Đề nghị bổ sung quy định về mức chế tài hoặc loại trừ bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ Thông báo cho DNBH khi thay đổi hoạt động kinh doanh, sản xuất hoặc thay đổi tính chất sử dụng tài sản làm ảnh hưởng đến mức độ rủi ro của hợp đồng bảo hiểm. - Đề xuất hoạt động của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy: Tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động tham gia bảo hiểm cháy nổ bắt buộc của các cơ sở sản xuất, kinh doanh bắt buộc tham gia; Tăng mức chế tài xử phạt đối với cơ sở thuộc diện bắt buộc nhưng tham gia bảo hiểm tự nguyện để giảm phí.	- Bộ Tài chính xin giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP về mức chế tài bồi thường và loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. - Trách nhiệm của Bộ Công an đã được quy định tại Nghị định.
17		BIC: Bổ sung Điều khoản bảo hiểm dưới giá trị: “Nếu tại thời điểm xảy ra thiệt hại, số tiền bảo hiểm nhỏ hơn tổng giá trị thực tế của tài sản được bảo hiểm thì Người được bảo hiểm sẽ phải tự gánh chịu phần tổn thất tương ứng với tỷ lệ bảo hiểm dưới giá trị hoặc trách nhiệm bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bằng giá trị thiệt hại nhân với tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị tài sản được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất. Nguyên tắc bồi thường theo tỷ lệ này được áp dụng riêng rẽ với từng hạng mục tài sản theo Đơn bảo hiểm này.	Những nội dung chung thực hiện theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm.
Phụ lục I NỘI DUNG TÀI GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC			
18		Bộ Công an: Đề nghị lấy toàn bộ nội dung quy định tại Phụ lục I dự thảo Nghị định và chỉnh lý thành Biểu mẫu Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và thuận tiện trong quá trình áp	Bộ Tài chính xin bảo lưu quy định và giải trình như sau: Dự thảo Nghị định quy định các nội dung bắt buộc của GCNBH, DNBH chủ động

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		dụng.	thiết kế mẫu GCNBH. DNBH có thể cấp Giấy chứng nhận BHCNBH điện tử để đáp ứng xu thế của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tạo điều kiện thuận lợi cho DNBH và bên mua bảo hiểm thực hiện. Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đã quy định theo hướng trên.
19		UIC: Đề nghị chi liệt kê các nội dung bắt buộc trong GCNBH, không trình bày như mẫu cũ.	Dự thảo Nghị định quy định các nội dung bắt buộc của GCNBH, DNBH chủ động thiết kế mẫu GCNBH
20	7. Thuộc danh mục cơ sở: (nếu rõ thuộc danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ nào theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy).	OPES: Trong Nghị định đã có danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy và nổ ở Phần I, Phụ lục II, do đó, đề nghị sửa như sau: “7. Thuộc danh mục cơ sở: (nếu rõ thuộc danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ nào trong Phần I, Phụ lục 02 Ban hành theo Nghị định này).”	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định pháp luật về PCCC
21	9. Tài sản được bảo hiểm: (danh mục chi tiết tài sản kèm theo)	Liberty: Danh mục chi tiết tài sản đã được DNBH đính kèm trong hợp đồng bảo hiểm và gửi cho khách hàng kèm Giấy chứng nhận bảo hiểm. Do đó, đề nghị bỏ để tránh trùng lặp. MSIG: Đề nghị quy định rõ mức độ chi tiết của “danh mục chi tiết tài sản kèm theo” tại mục 9. OPES: Trong trường hợp Tài sản được bảo hiểm chỉ có một danh mục thì để xuất không cần thiết phải đính kèm Danh mục chi tiết tài sản kèm theo, mà liệt kê rõ tại Giấy chứng nhận bảo hiểm	Giữ nguyên như dự thảo
22	10. Tổng giá trị tài sản theo danh mục tài sản:	Liberty, BIC: Điều 5 Nghị định 23 đã quy định căn cứ xác định số tiền bảo hiểm đối với từng đối tượng bảo hiểm nêu	Giữ nguyên như dự thảo

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	11. Số tiền bảo hiểm:	tại Điều 4 Nghị định 23, theo đó số tiền bảo hiểm đều dựa trên giá trị thành tiền của tài sản. Vì vậy tổng giá trị kê khai và số tiền bảo hiểm đều cùng 1 giá trị, việc quy định đồng thời mục 10 và 11 sẽ dễ gây hiểu nhầm. Do đó, đề nghị góp thành Số tiền bảo hiểm (theo danh mục tài sản được bảo hiểm)	
		OPEs: Đề nghị sửa như sau "10. Tổng giá trị tài sản được bảo hiểm...." do Bản chất của Mục 10 là ghi nhận tổng giá trị của tài sản nêu tại Mục 9	
23	Kèm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm này là Giấy yêu cầu bảo hiểm số:.....	OPEs: Trong trường hợp BMBH yêu cầu bảo hiểm qua phương tiện điện tử thì sẽ không có Giấy yêu cầu bảo hiểm, do đó đề nghị sửa như sau: " <i>Giấy chứng nhận bảo hiểm này được cấp trên cơ sở yêu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm.</i> "	Tiếp thu ý kiến
Phụ lục II			
MỨC PHÍ BẢO HIỂM VÀ MỨC KHẤU TRỪ BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẤT BƯỚC			
24	1. Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (trừ cơ sở hạt nhân) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm dưới 1.000 tỷ đồng, mức phí bảo hiểm được xác định bằng số tiền bảo hiểm tối thiểu nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm.	Liberty: Đề nghị quy định rõ như sau: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận tỷ lệ phí bảo hiểm không thấp hơn tỷ lệ phí bảo hiểm sau (<i>đã áp dụng tất cả các điều kiện giảm phí và hoàn phí bảo hiểm, nếu có</i>). Vinare: Đề nghị quy định rõ về việc không được thỏa thuận hoàn phí, giảm phí thấp hơn quy định bằng các điều kiện <i>bổ sung trong hợp đồng bảo hiểm</i> HHBH, PJICO: Đề nghị bổ sung quy định về việc doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được phép thỏa thuận giảm mức phí trong hợp đồng bảo hiểm đối với cơ sở nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm dưới 1.000 tỷ đồng.	Theo quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP: "... Căn cứ vào mức độ rủi ro của từng cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận tỷ lệ phí bảo hiểm không thấp hơn tỷ lệ phí bảo hiểm sau:....". Như vậy, tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP là tỷ lệ phí bảo hiểm tối thiểu.
	Căn cứ vào mức độ rủi ro của từng cơ sở có		

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	nguy hiểm về cháy, nổ, doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận tỷ lệ phí bảo hiểm không thấp hơn tỷ lệ phí bảo hiểm sau:		
25	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Liberty: Đề nghị sử dụng thống nhất thuật ngữ “cơ sở”, “xưởng” hay “nhà máy” hoặc cần có định nghĩa rõ ràng để phân biệt các cụm từ này	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP bao gồm: trường học, bệnh viện, nhà máy...
26	1. Trụ sở cơ quan nhà nước các cấp	OPEs: Đề nghị bổ sung thêm trụ sở của các tổ chức chính trị-xã hội, các hội nghề nghiệp các cấp.	Tên danh mục cơ sở sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
27	2. Nhà chung cư, nhà tập thể, nhà ở ký túc xá, nhà hỗn hợp	OPEs: Đề nghị sửa như sau “2. Nhà chung cư để ở, <u>nhà chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp để ở và kinh doanh</u> , nhà tập thể, nhà ở ký túc xá” để làm rõ thêm về loại nhà hỗn hợp theo quy định tại Luật nhà ở 2014.	Tên danh mục cơ sở sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
28	5.4. Công viên giải trí, vườn thú, thủy cung 12. “... <u>nhà chờ cáp treo vận chuyển người</u> ...”	PTI: Thực tế hạng mục nhà chờ cáp treo vận chuyển người đều thuộc khu công viên, giải trí, việc tách 2 mã rất khó triển khai. Đề nghị ghép đối tượng nhà chờ cáp treo vận chuyển người về nhóm 5.4	Tên danh mục cơ sở sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
29	6. Chợ; trung tâm thương mại, điện máy, siêu thị, cửa hàng bách hoá, cửa hàng tiện ích, nhà hàng, cửa hàng ăn uống	OPEs: Đề nghị ghi rõ “Nhà hàng/ cửa hàng <u>cung cấp dịch vụ ăn uống</u> ”	Tên danh mục cơ sở sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
30	6.2. Siêu thị, cửa hàng bách hóa, <u>điện máy, cửa hàng tiện ích</u>	PVI: Đề nghị bổ sung để làm rõ tên danh mục: “6.2. Siêu thị, cửa hàng bách hóa, <u>trung tâm hoặc cửa hàng điện máy, cửa hàng tiện ích</u> ”	Tên danh mục cơ sở sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.
31	7. Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, cơ sở lưu trú khác được thành lập theo Luật	OPEs: Đề nghị điều chỉnh “Nhà trọ” thành “Nhà ở cho thuê” tương ứng với các hình thức giao dịch về nhà ở được	Tên danh mục cơ sở sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định

STT	Dự thảo Nghị định	Ý Kiến tham gia	Ý Kiến tiếp thu, giải trình
	Du lịch	quy định theo Điều 117 – Chương III – Luật Nhà ở số 65/2014/QH13. “Nhà trọ” không thuộc danh mục được thành lập theo Luật du lịch.	số 136/2020/NĐ-CP
32	12. Cảng hàng không; đài kiểm soát không lưu; bến cảng biển; cảng cạn; cảng thủy nội địa; bến xe khách; trạm dừng nghỉ; nhà ga đường sắt, nhà chờ cấp treo vận chuyển người; công trình tàu điện ngầm; cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới; cửa hàng kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe gắn máy	OPEs: Đề nghị điều chỉnh “xe gắn máy” thành “xe cơ giới”	Tên danh mục cơ sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
33	13. Gara để xe	ABIC: Đề nghị sửa thành: Gara để xe, <u>bãi đỗ xe</u> GIC: Đề nghị bổ sung thành : Gara để xe, cửa hàng kinh doanh xe ô tô, mô tô, xe gắn máy không có dịch vụ sửa chữa	Tên danh mục cơ sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
34	14. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; kho vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; cảng xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; kho vũ khí, công cụ hỗ trợ - Tỷ lệ phí 0,35%	PVI, Bảo Việt, PJICO: Đề nghị tăng tỷ lệ phí do đây là đối tượng bị loại trừ theo các Quy tắc bảo hiểm tài sản tiêu chuẩn, DNBH không có năng lực khai thác, phụ thuộc hoàn toàn vào việc thu xếp tài (PVI: 1%; Bảo Việt, PJICO: 0,5%)	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính hoàn chỉnh lại tỷ lệ phí 0,5%.
35	16. Cơ sở công nghiệp có hàng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E*	PTI: Đề nghị quy định các cơ sở không được liệt kê trong phụ lục và không được nêu chi tiết phân nhóm trong Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC thì xếp vào nhóm 16.1.a	Tên danh mục cơ sở theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
36	16.1. a) Cơ sở sản xuất công nghiệp có hàng nguy hiểm cháy nổ A, B, C (trừ cơ sở sản xuất gỗ, giấy)		

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
37	<u>Luyện quặng (trừ quặng sắt)</u> <u>Khai thác mỏ quặng kim loại các loại</u> <u>Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây có phủ nhựa, nhựa đường)</u> <u>Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây không có phủ nhựa, nhựa đường)</u>	GIC: Đề nghị sửa như sau <u>Luyện quặng (trừ quặng sắt) các loại</u> <u>Khai thác mỏ quặng kim loại các loại</u> <u>Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây có phủ nhựa, nhựa đường)</u> <u>Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây không có phủ nhựa, nhựa đường)</u>	Giữ nguyên như dự thảo
38	<u>Nhà máy sản xuất chất dẻo, cao su đặc</u> <u>Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ cao su</u>	GIC: Đề nghị gộp chung hai loại hình	Giữ nguyên như dự thảo
39	<u>Nhà máy in, xưởng in (không tính sản xuất giấy, chế biến giấy)</u>	GIC: Đề nghị bỏ nội dung: “không tính sản xuất giấy, chế biến giấy” do trùng lặp với mục “Cơ sở sản xuất giấy ráp”	Giữ nguyên như dự thảo
40	<u>Sản xuất xà phòng, mỹ phẩm</u>	ABIC: Đề nghị sửa như sau: Sản xuất xà phòng, hóa mỹ phẩm	Tiếp thu ý kiến
41	<u>Xưởng sản xuất giấy, chế biến giấy – Tỷ lệ phí 0,2%</u>	UIC: Đề nghị tăng mức phí lên 0,35% để đảm bảo tính hợp lý của dự thảo (Giấy là mặt hàng dễ cháy, mức độ rủi ro cao hơn cả cơ sở sản xuất Giấy (0,35%))	Tiếp thu ý kiến
42	16.1. b) Cơ sở sản xuất gỗ <u>Xưởng làm rổ, sọt</u> <u>Nhà máy sản xuất diêm</u>	GIC: Đề nghị bổ sung như sau: <u>Xưởng làm rổ, sọt, sản phẩm làm từ mây, tre, nứa</u> <u>Nhà máy sản xuất diêm, hương, vàng mã</u>	Tiếp thu ý kiến
43	<u>Nhà máy xử lý chất thải rắn (không sử dụng công nghệ đốt)</u>	GIC: Đề nghị bổ sung <u>Nhà máy xử lý chất thải rắn CÓ sử dụng công nghệ đốt</u>	Giữ nguyên như dự thảo
44	<u>Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, xe đạp, xe máy và phụ tùng các loại</u> <u>Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy, xe điện... các loại</u>	GIC: Đề nghị gộp chung hai loại hình	Giữ nguyên như dự thảo

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
45	<i>Trại/co sở nuôi/giết mổ súc vật, gia súc, gia cầm</i> <i>Nhà máy sản xuất bê tông</i> <i>Trung tâm, đơn vị nuôi thủy sản</i>	GIC: Đề nghị bổ sung các loại hình sau với tỷ lệ phí 0,15%, Mức khấu trừ loại M: <i>Trại/co sở nuôi/giết mổ súc vật, gia súc, gia cầm</i> <i>Nhà máy sản xuất bê tông</i> <i>Trung tâm, đơn vị nuôi thủy sản</i>	Tiếp thu ý kiến
46	16.2 Cơ sở sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ D, E Nhà máy sản xuất thực phẩm đồ hộp, chế biến cá, thịt, sữa	Bảo Long, ABIC: Đề nghị sửa như sau: Nhà máy sản xuất thực phẩm đồ hộp, chế biến é thủy sản, thịt, sữa BIC: Đề nghị bổ sung một số mã ngành sau (tỷ lệ phí 0,15%+VAT): - Trại nuôi súc vật, gia súc, gia cầm - Nhà máy/co sở giết mổ súc vật - Nhà máy sữa - Nhà máy/co sở sản xuất muối - Nhà máy xử lý nước - Nhà máy sản xuất phụ tùng máy bay - Sản xuất chè	Tiếp thu ý kiến
47	17.2 Nhà máy thủy điện; nhà máy điện gió, điện nguyên tử, điện mặt trời, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối, điện khí biogas, điện dòng phát và nhà máy điện khác	Bảo Long: Nhà máy thủy điện; nhà máy điện gió, điện nguyên tử, <u>nhà máy hoặc trang trại</u> điện mặt trời, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối, điện khí biogas, điện dòng phát và nhà máy điện khác	Giữ nguyên như dự thảo
48	17.3. Trạm biến áp, đường dây truyền tải điện	GIC: " <u>đường dây truyền tải điện</u> " không được quy định trong Nghị định 136	Giữ nguyên như dự thảo
49	18.1 <i>Hầm có hoạt động sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ (tỷ lệ phí 0,35%)</i>	PVI, Bảo Việt: Đề nghị tăng tỷ lệ phí do đây là đối tượng bị loại trừ theo các Quy tắc bảo hiểm tài sản tiêu chuẩn, DNBH không có năng lực khai thác, phụ thuộc hoàn toàn vào việc thu xếp tái (PVI: 1%; Bảo Việt: 0,5%)	Tiếp thu ý kiến, quy định tỷ lệ phí 0,5%

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
50	18.2 Kho hàng hóa, vật tư cháy được <i>Kho hàng thiết bị điện, điện tử</i> Kho vật liệu xây dựng 18.3 Hàng hóa vật tư không cháy được trong các bao bì cháy được <i>Kho vật liệu xây dựng</i> <i>Kho kim loại, phụ tùng cơ khí</i>	Bảo Long: Đề xuất bỏ do thực tế kho vật liệu xây dựng chứa nhiều loại hàng hóa khác nhau (cháy được và không cháy được), và phần lớn là hàng hóa không cháy được nên loại bỏ tại mục 18.2 và giữ tại mục 18.3 để DNBBH dễ triển khai thực hiện Vinare: Đề nghị quy định rõ các kho hàng tại điểm 18.2 và 18.3 là <i>kho độc lập, không nằm trong phạm vi nhà máy, cơ sở có hoạt động sản xuất</i> do thông thường các cơ sở sản xuất công nghiệp, xưởng sản xuất, nhà máy sản xuất, lắp ráp (Mục 16.1 và 16.2) sẽ luôn có kho hàng vật tư trong khuôn viên nhà máy BIC: 18.2 và 18.3 đều có chung một loại “kho vật liệu xây dựng” với 2 tỷ lệ phí khác nhau, đề nghị quy định 1 mã ngành tỷ lệ 0,1% PTI: Đề nghị bổ sung tại mục 18.2 “<i>Kho hàng hóa, vật tư cháy được chưa được nêu trong danh sách</i>” và 18.3 “<i>Hàng hóa vật tư không cháy được trong các bao bì cháy được chưa được nêu trong danh sách</i>” GIC: - Tại mục 18.2 đề nghị sửa như sau: <i>Kho hàng thiết bị điện, điện tử.....</i> <i>Kho vật liệu xây dựng bao gồm gỗ, giấy, chất dễ cháy</i> - Tại mục 18.2 đề nghị sửa như sau: <i>Kho vật liệu xây dựng không có gỗ, giấy, chất dễ cháy</i> <i>Kho kim loại, phụ tùng cơ khí, quặng kim loại, than đá</i> <i>Kho hàng thiết bị điện (không bao gồm điện tử)</i> <i>Kho que hàn điện</i>	Tiếp thu ý kiến Vinare

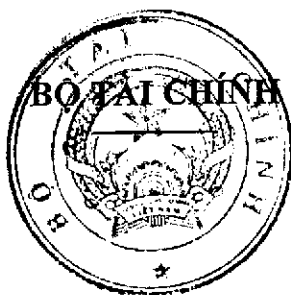
STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
51	Ghi chú: M, N là các ký hiệu về loại mức khấu trừ quy định tại khoản 1 Mục II Phụ lục này. 1. Đối với Cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E (nhóm 16): Trường hợp phân hạng nguy hiểm cháy, nổ của cơ sở sản xuất công nghiệp tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy khác so với chỉ tiết tại nhóm 16 nêu trên thì thực hiện theo Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.	GIC: Đề nghị làm rõ cơ sở phân hạng là dựa trên Biên bản PCCC gần nhất theo quy định tại Điều 16, <u>Nghị định 136/2020/ND-CP</u> để tránh trường hợp thay đổi về mục đích sử dụng của đối tượng bảo hiểm. Trường hợp Biên bản PCCC không đáp ứng yêu cầu về chất lượng và định kỳ kiểm tra theo quy định tại <u>Nghị định 136/2020/ND-CP</u>, DNBH được thực hiện khảo sát để xác định loại hình và tính phí phù hợp.	Giữ nguyên quy định
52	2. Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên (trừ cơ sở hạt nhân), doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm được phép thỏa thuận điều chỉnh giảm tối đa 25% tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Mục này. Trong trường hợp áp dụng giảm phí bảo hiểm, phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại khoản 1 Mục này	Bảo Long, GIC, Bảo Việt: Đề nghị bỏ quy định vv được phép thỏa thuận điều chỉnh giảm tỷ lệ phí, theo đó các cơ sở sản xuất, kinh doanh lớn/nhỏ đều áp dụng cùng tỷ lệ phí để đảm bảo công bằng, không phân biệt đối xử. HHBH: Đề nghị quy định rõ việc điều chỉnh giảm phí trên cơ sở được doanh nghiệp tái bảo hiểm chấp thuận ABIC: Đề nghị quy định như sau: Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên, doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức phí bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp tái bảo hiểm chấp thuận. MSIG ko hìu	Giữ nguyên quy định
53	3. Đối với cơ sở hạt nhân: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận mức phí bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhân tái bảo hiểm chấp thuận.	VBI: Đề nghị làm rõ nội dung/hỗ sơ liên quan đến việc doanh nghiệp nhân tái bảo hiểm chấp thuận (mail, văn bản, hình thức khác theo thông lệ thị trường tái) do trên thực tế, một số cơ quan PCCC tình yêu cầu cung cấp.	Giữ nguyên quy định

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
54		AAA: Đề nghị bổ sung quy định về tỷ lệ phí của các ngành nghề không được liệt kê cụ thể theo Nghị định.	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định pháp luật về PCCC
55		ABIC: - Đề nghị bổ sung biểu phí một số danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ: tòa nhà văn phòng/tòa nhà phức hợp; Viện nghiên cứu, Trung tâm thí nghiệm; Cơ sở giết mổ gia súc; Cơ sở nuôi trồng thủy sản. - Đề nghị bổ sung biểu phí ngăn hạn	Tiếp thu ý kiến, bổ sung phí khác 1 năm
56		Bảo Long: Đề xuất bổ sung trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu tham gia bảo hiểm Giám đoạn kinh doanh thì phí bảo hiểm áp dụng tương tự như phần tổn thất vật chất như quy định tại Phụ lục II	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định pháp luật về PCCC
57		BIC: - Đề nghị bổ sung định nghĩa "Địa điểm bảo hiểm" - Đề nghị bổ sung ngành nghề: Nhà máy đóng tàu, sửa chữa tàu, nhà máy sửa chữa bảo dưỡng máy bay: Tỷ lệ phí 0,1% + VAT	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định pháp luật về PCCC
58		Bảo Việt, PJICO: Đề nghị bổ sung Nhà máy điện gió nổi, điện mặt trời – tỷ lệ phí 0,5% do đây là đối tượng bị loại trừ theo các Quy tắc bảo hiểm tài sản tiêu chuẩn, DNBH không có năng lực khai thác, phụ thuộc hoàn toàn vào việc thu xếp tái	Tiếp thu ý kiến
59		UIC: - Đề nghị bổ sung thêm các ngành nghề sau để có cơ sở giao dịch với khách hàng: Hệ thống cáp treo; cơ sở sản xuất ốc quế; trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; nhà máy học dầu; nhà máy điện rác; cơ sở sản xuất thuốc trừ sâu, diệt cỏ v.v.	Trường hợp sửa đổi, bổ sung sau thời điểm Nghị định mới có hiệu lực (bao gồm tất cả các sửa đổi, bổ sung) thì thực hiện theo quy định tại Nghị định mới.

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		- Đề đảm bảo cho Dự thảo được áp dụng một cách thống nhất sau khi được ban hành, đề nghị Ban soạn thảo làm rõ hơn một số điểm sau: + Đối với quy định về cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên, liệu có thể hiểu rằng trong mọi trường hợp, phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm sản tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) tỷ lệ phí bảo hiểm trong bảng tại khoản 1? Nếu như vậy sẽ khuyến khích người được bảo hiểm có xu hướng kê khai tăng số tiền bảo hiểm lên 25% tương ứng với mức giảm tỷ lệ phí tối đa được phép thỏa thuận để được hưởng quyền lợi, gây khó khăn cho việc giải quyết bồi thường sau này. + Vào giữa hoặc cuối kỳ, số tiền bảo hiểm có thể thay đổi tăng lên trên 1.000 tỷ đồng hoặc giảm xuống dưới mức 1.000 tỷ đồng, khi đó nếu sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm thì tỷ lệ phí có phải thay đổi tương ứng không? Nếu được thay đổi, thì tỷ lệ mới đó sẽ được áp dụng cho giai đoạn trước khi hợp đồng được sửa đổi, bổ sung hay chỉ từ ngày có sửa đổi, bổ sung trở đi? + Trường hợp không tìm thấy cơ sở có ngành nghề phù hợp trong bảng tỷ lệ phí tại khoản 1, thì có được áp dụng theo hàng mục tương đương hay được áp dụng theo tỉ lệ tự nguyện thỏa thuận? + Trường hợp một cơ sở có nhiều hơn hai ngành nghề trong một rủi ro thì có thể áp dụng tỉ lệ của ngành nghề có tỷ trọng cao hơn không? Và nếu làm như vậy thì xác định tỷ trọng đó như thế nào? + Nghị định này đưa ra tỷ lệ phí sản, tức là các bên không được thỏa thuận mức tỷ lệ phí thấp hơn. Tuy nhiên, nếu các doanh nghiệp bảo hiểm tăng thêm cho khách hàng một số	

STT	Dự thảo Nghị định	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình																		
60	II. MỨC KHẤU TRỪ BẢO HIỂM 1. Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (trừ cơ sở hạt nhân) có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm dưới 1.000 tỷ đồng: a) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại M quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục này: Mức khấu trừ bảo hiểm tối đa là 1% số tiền bảo hiểm và không thấp hơn mức khấu trừ bảo hiểm quy định tại điểm c khoản này. b) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại N quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục này: Mức khấu trừ bảo hiểm tối đa là 10% số tiền bảo hiểm và không thấp hơn mức khấu trừ bảo hiểm quy định tại điểm c khoản này. c) Trong mọi trường hợp, mức khấu trừ bảo hiểm quy định tại điểm a và điểm b khoản này không thấp hơn mức khấu trừ bảo hiểm sau: <table><tr><th>Số tiền bảo hiểm</th><th>Mức khấu trừ bảo hiểm</th></tr><tr><td>Đến 2.000</td><td>4</td></tr><tr><td>Trên 2.000 đến 10.000</td><td>10</td></tr><tr><td>Trên 10.000 đến</td><td>20</td></tr></table>	Số tiền bảo hiểm	Mức khấu trừ bảo hiểm	Đến 2.000	4	Trên 2.000 đến 10.000	10	Trên 10.000 đến	20	chỉ phí như NCB (No-claim bonus), FFF (Free fire fighting), LTA (Long-term agreement) có bị coi là vi phạm quy định về tỷ lệ phí sản trong Nghị định hay không? Bảo Long: Đề nghị bổ sung nội dung: “Doanh nghiệp bảo hiểm và Bên mua bảo hiểm được phép thỏa thuận mức khấu trừ bảo hiểm trên cơ sở được DNBH nhận tái bảo hiểm chấp thuận nhưng không vượt quá quy định tại điểm a, b, c Mục 1. Lý do: Để phù hợp với hợp đồng tái của các DNBH và quy định chung của thị trường cho các ngành thuộc rủi ro nhóm 4 với mức khấu trừ là 5% giá trị tổn thất hoặc các ngành thuộc rủi ro nhóm 5 với mức khấu trừ là 10% giá trị tổn thất. GIC: Đề nghị quy định Mức khấu trừ theo Số tiền như sau để tiện tham chiếu, áp dụng: <table><tr><th>Số tiền bảo hiểm</th><th>Mức khấu trừ bảo hiểm</th></tr><tr><td>Đến 10.000</td><td>10</td></tr><tr><td>Trên 10.000 đến 100.000</td><td>30</td></tr><tr><td>Trên 100.000 đến 200.000</td><td>60</td></tr><tr><td>Trên 200.000</td><td>100</td></tr></table>	Số tiền bảo hiểm	Mức khấu trừ bảo hiểm	Đến 10.000	10	Trên 10.000 đến 100.000	30	Trên 100.000 đến 200.000	60	Trên 200.000	100	Giữ nguyên như dự thảo
Số tiền bảo hiểm	Mức khấu trừ bảo hiểm																				
Đến 2.000	4																				
Trên 2.000 đến 10.000	10																				
Trên 10.000 đến	20																				
Số tiền bảo hiểm	Mức khấu trừ bảo hiểm																				
Đến 10.000	10																				
Trên 10.000 đến 100.000	30																				
Trên 100.000 đến 200.000	60																				
Trên 200.000	100																				

STT	Dự thảo Nghị định		Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	50.000	40		
	Trên 50.000	đến 60		
	100.000	100		
	Trên 100.000	đến		
	200.000			
	Trên 200.000			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP
ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về
bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Về cơ sở pháp lý

Ngày 23/02/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (Nghị định số 23/2018/NĐ-CP), theo đó mức phí bảo hiểm được áp dụng tương ứng theo từng danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (Nghị định số 79/2014/NĐ-CP).

Ngày 24/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (Nghị định số 136/2020/NĐ-CP), hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2021, thay thế Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ được sửa đổi và quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Như vậy, quy định về mức phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (BHCNBB) theo từng danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP không còn phù hợp với danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ hiện hành được quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

1.2. Về thực tiễn triển khai

- Liên quan đến việc xác định mức phí BHCNBB: Thực tế triển khai, nhiều DNBH phản ánh danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP khá tóm tắt, chưa đầy đủ, nhiều danh mục quy định chưa cụ thể, gây vướng mắc cho DNBH trong

cách hiểu, từ đó dẫn tới khó khăn, chưa thống nhất trong cách xác định mức phí bảo hiểm.

- Về việc kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện mua BHCNBB của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ: Nghị định số 23/2018/NĐ-CP không quy định DNBH phải cấp Giấy chứng nhận BHCNBB nên cơ quan Công an có thẩm quyền gặp khó khăn trong việc kiểm tra việc thực hiện mua BHCNBB của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

- Về chế độ báo cáo: Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, hàng năm doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) nộp trực tiếp kinh phí đóng góp cho hoạt động PCCC từ BHCNBB vào Tài khoản của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do Bộ Công an mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương. Theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, DNBH phải lập và gửi Bộ Tài chính Báo cáo tình hình thu, nộp từ BHCNBB cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy. Thực tế triển khai thời gian qua cho thấy, việc tổng hợp, theo dõi số tiền thu từ BHCNBB của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gặp khó khăn do không có thông tin báo cáo của các DNBH.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ, ổn định, minh bạch, rõ ràng và hợp nhất văn bản để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, DNBH và các tổ chức, cá nhân có cơ sở nguy hiểm về cháy, nổ khi tham gia BHCNBB.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hoàn thiện cơ chế chính sách, đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ và nhất quán với hệ thống pháp luật hiện hành

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy giao Chính phủ quy định điều kiện, mức phí bảo hiểm cháy, nổ; số tiền bảo hiểm tối thiểu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, mức phí BHCNBB được quy định tại Mục I Phụ lục II Nghị định số 23/2018/NĐ-CP được áp dụng tương ứng theo từng danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP

Ngày 24/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2021, thay thế Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ được sửa đổi và quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Thực tế triển khai, nhiều DNBH phản ánh danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP khá tóm tắt, chưa đầy đủ, nhiều danh mục quy định chưa cụ thể, gây vướng mắc cho DNBH trong cách hiểu, từ đó dẫn tới khó khăn, chưa thống nhất trong cách xác định mức phí bảo hiểm.

Như vậy, mức phí BHCNBB đối với các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP chưa cập nhật các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định hiện hành (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP) và chưa phù hợp với thực tiễn.

Ngoài ra, đối với cơ quan Công an, do không có quy định bắt buộc DNBH phải cấp Giấy chứng nhận BHCNBB, cơ quan Công an có thẩm quyền gặp khó khăn trong việc kiểm tra việc thực hiện mua BHCNBB của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ; mức chi từ nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy chưa phù hợp với mục tiêu, nhu cầu quản lý của cơ quan sử dụng.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho DNBH và cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ trong quá trình triển khai thực hiện quy định về BHCNBB.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1:

+ Thay thế Phụ lục II Nghị định số 23/2018/NĐ-CP quy định về mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, đảm bảo tương ứng theo từng danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phù hợp với thực tiễn.

+ Bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Công an và cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (Ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ đối với cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy trên cơ sở xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ của cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ).

+ Bổ sung quy định về Giấy chứng nhận BHCNBB: DNBH phải cấp Giấy chứng nhận BHCNBB. Giấy chứng nhận BHCNBB do DNBH chủ động thiết kế và phải bao gồm một số nội dung cơ bản được quy định tại Nghị định

- Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành, theo đó danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ trong quy định về mức phí bảo hiểm tại Phụ lục II Nghị định số 23/2018/NĐ-CP có một số nội dung không đồng bộ với danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị

định số 136/2020/NĐ-CP, đồng thời danh mục này cũng chưa chi tiết, cụ thể, gây khó khăn cho DNBH trong quá trình thực hiện.

1.4. Đánh giá tác động

1.4.1. Giải pháp 1

a) Tác động đối với Nhà nước

- Tác động tích cực:

+ Tác động về kinh tế: Việc quy định rõ ràng, cụ thể về danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ và bổ sung quy định về việc ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy giúp DNBH và bên mua bảo hiểm và các đối tượng có liên quan sẽ có cơ sở rõ ràng hơn trong việc xác định mức phí bảo hiểm, tạo sự thống nhất về cách hiểu, đảm bảo sự tương đồng về mức phí bảo hiểm giữa các hợp đồng bảo hiểm, tránh tranh chấp trong quá trình triển khai BHCNBB, đảm bảo sự ổn định của thị trường bảo hiểm. Việc quy định DNBH bắt buộc phải cấp Giấy chứng nhận BHCNBB sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan công an có thẩm quyền trong công tác kiểm tra việc thực hiện mua BHCNBB của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ. Việc quản lý, giám sát DNBH triển khai trên cơ sở pháp luật, không hình thành cơ chế giám sát mới; không vi phạm các nguyên tắc, các cam kết quốc tế; không phát sinh trách nhiệm mới của Bộ Tài chính và các địa phương về BHCNBB.

- Tác động tiêu cực: Làm phát sinh trách nhiệm của Bộ Công an về việc ghi thêm thông tin về hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E của cơ sở sản xuất công nghiệp tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

b) Tác động đối với DNBH

- Tác động tích cực:

+ Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể cho DNBH trong việc xác định mức phí bảo hiểm đảm bảo thống nhất, đúng quy định; đẩy nhanh quá trình cấp đơn bảo hiểm, thỏa thuận hợp đồng bảo hiểm giữa các bên, phần nào giảm chi phí khai thác đơn bảo hiểm.

+ Đảm bảo cách hiểu thống nhất giữa các DNBH, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

c) Tác động đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ

- Tác động tích cực:

+ Việc bổ sung đầy đủ danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ theo quy định hiện hành giúp đảm bảo quyền lợi của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ mới được bổ sung tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

+ Việc bổ sung quy định về ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy tạo cơ sở xác định phí bảo hiểm rõ ràng, minh bạch, thống nhất, đảm bảo quyền lợi của người được bảo hiểm.

- Tác động tiêu cực: Làm phát sinh trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ về việc xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ làm cơ sở để cơ quan Công an có thẩm quyền ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

1.4.2. Giải pháp 2

a) Tác động đối với Nhà nước

- Tác động tích cực:

+ Tác động về kinh tế: Giải pháp này không phát sinh chi phí đối với ngân sách nhà nước.

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quản lý, giám sát DNBH triển khai trên cơ sở pháp luật, không hình thành cơ chế giám sát mới; không vi phạm các nguyên tắc, các cam kết quốc tế; không phát sinh trách nhiệm mới của Bộ Tài chính, Bộ Công an và các địa phương về BHCNBB.

- Tác động tiêu cực: Hệ thống pháp luật không đồng bộ sẽ dẫn tới các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực tế, đòi hỏi các cấp có thẩm quyền nghiên cứu, giải quyết, đảm bảo mục tiêu, ý nghĩa của chính sách.

b) Tác động đối với DNBH

- Tác động tích cực: Không phải nghiên cứu văn bản quy phạm pháp luật mới. DNBH chủ động xác định mức phí bảo hiểm trong các trường hợp chưa có quy định rõ ràng.

- Tác động tiêu cực: Việc giữ nguyên quy định sẽ gây vướng mắc cho DNBH trong cách hiểu, từ đó dẫn tới khó khăn, không thống nhất trong cách xác định mức phí bảo hiểm, ảnh hưởng sự lành mạnh trong kinh doanh bảo hiểm.

c) Tác động đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ

- Tác động tích cực: Không có tác động tích cực

- Tác động tiêu cực: Các quy định về danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ chưa rõ ràng, cụ thể dẫn tới việc áp dụng phí bảo hiểm không thống nhất, ảnh hưởng tới quyền lợi của bên mua bảo hiểm.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Giải pháp lựa chọn: Giải pháp 1

+ Thay thế Phụ lục II Nghị định số 23/2018/NĐ-CP quy định về mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, đảm bảo tương ứng theo từng danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, phù hợp với thực tiễn.

+ Bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Công an và cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (Ghi hạng nguy hiểm cháy, nổ đối với cơ sở công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy, nổ A, B, C, D, E tại Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy trên cơ sở xác định hạng nguy hiểm cháy, nổ của cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ).

+ Bổ sung quy định về Giấy chứng nhận BHCNBB: DNBH phải cấp Giấy chứng nhận BHCNBB. Giấy chứng nhận BHCNBB do DNBH chủ động thiết kế và phải bao gồm một số nội dung cơ bản được quy định tại Nghị định

2. Chính sách 2: Hoàn thiện chế độ báo cáo, tạo cơ chế thuận lợi trong hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước và đơn giản hóa chế độ báo cáo của DNBH.

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, hàng năm DNBH nộp trực tiếp kinh phí đóng góp cho hoạt động PCCC từ BHCNBB vào Tài khoản của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do Bộ Công an mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, DNBH phải lập và gửi Bộ Tài chính Báo cáo tình hình thu, nộp từ BHCNBB cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy. Thực tế triển khai thời gian qua cho thấy, việc tổng hợp, theo dõi số tiền thu từ BHCNBB của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gặp khó khăn do không có thông tin báo cáo của các DNBH.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, DNBH phải lập và gửi Bộ Tài chính báo cáo nghiệp vụ (báo cáo doanh thu, bồi thường theo quý, năm và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm). Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh của DNBH đã được thể hiện trong các báo cáo nghiệp vụ chung của DNBH.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: Tạo cơ chế báo cáo phù hợp với mục tiêu quản lý về BHCNBB và đơn giản hóa chế độ báo cáo của DNBH.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Sửa đổi quy định về chế độ báo cáo của DNBH theo hướng: Gửi Bộ Tài chính báo cáo doanh thu, bồi thường theo năm; Gửi Bộ Công an (Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) báo cáo tình hình thu, nộp từ BHCNBB cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

- Giải pháp 2: Giữ nguyên quy định hiện tại.

2.4. Đánh giá tác động

2.4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động đối với Nhà nước

- Tác động tích cực:

+ Tác động về kinh tế: Cơ chế báo cáo phù hợp sẽ cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho việc theo dõi, quản lý số tiền thu từ BHCNBB của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, giúp việc lập kế hoạch sử dụng và sử dụng nguồn thu một cách hợp lý.

+ Tác động về xã hội: Nguồn thu từ BHCNBB rõ ràng, minh bạch, được sử dụng cho nhiều hoạt động, trong đó có hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về BHCNBB. Đối tượng được hưởng nguồn kinh phí này không chỉ là Cảnh sát PCCC mà còn là các DNBH và cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đơn giản hóa chế độ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm; Tạo cơ chế báo cáo phù hợp với nhu cầu, mục tiêu quản lý của cơ quan nhà nước.

- Tác động tiêu cực: Không tác động tiêu cực.

b) Tác động đối với DNBH

- Tác động tích cực: Việc thống nhất đầu mối nhận báo cáo và nhận số tiền thu từ BHCNBB giúp các doanh nghiệp thuận tiện trong việc triển khai thực hiện. Việc giảm bớt chế độ báo cáo giúp DNBH tập trung nhiều hơn vào hoạt động kinh doanh.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

c) Tác động đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ

- Tác động tích cực: Không có tác động mới.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

2.4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động đối với Nhà nước

- Tác động tích cực:
- + Tác động về kinh tế: Không có
- + Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.
- + Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.
- + Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có
- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo thuận tiện cho việc tổng hợp, theo dõi số tiền thu từ BHCNBB của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, dẫn tới việc quản lý nguồn thu không hiệu quả, mất thời gian, tốn công sức.

b) Tác động đối với DNBH

- Tác động tích cực: Không có nội dung mới
- Tác động tiêu cực: Đầu mỗi nhận báo cáo và nhận số tiền thu từ BHCNBB không thống nhất dẫn tới không thuận tiện trong việc xác minh, đối chiếu số liệu.

c) Tác động đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ

- Tác động tích cực: Không có
- Tác động tiêu cực: Không có

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Giải pháp lựa chọn: Giải pháp 1 (Sửa đổi quy định về chế độ báo cáo của DNBH theo hướng: Gửi Bộ Tài chính báo cáo doanh thu, bồi thường theo năm; Gửi Bộ Công an (Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) báo cáo tình hình thu, nộp từ BHCNBB cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy).

3. Chính sách: Tăng cường công tác quản lý, sử dụng nguồn thu từ BHCNBB cho hoạt động PCCC

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Điểm b Khoản 1 Điều 54 quy định một trong các nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động PCCC có “*thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc*”. Khoản 2 Điều 54 giao “*Chính phủ quy định cụ thể về nguồn thu, mức thu, chế độ quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động PCCC*”. Nghị định số 23/2018/NĐ-CP đã quy định cụ thể mức chi từ nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

Theo báo cáo của Bộ Công an, nhiều cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có quy mô lớn, nhiều nhà cao tầng với mật độ dân cư đông, các cơ sở sản xuất có tính chất đặc thù, có tính chất nguy hiểm cháy, nổ ngày càng cao nên đặt ra thách thức cho lực lượng Cảnh sát PCCC. Do đó, cần thiết phải trang bị thêm phương tiện để giải quyết các sự cố xảy ra. Trong khi đó, nguồn vốn để thực hiện việc trang bị phương tiện, thiết bị PCCC cho lực lượng Cảnh sát PCCC bị

sụt giảm đáng kể do nguồn vốn vay ODA bị cắt giảm, đồng thời vốn ngân sách của trung ương, địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: Đảm bảo việc sử dụng nguồn thu từ BHCNBB minh bạch, đúng quy định pháp luật, đúng nhu cầu thực tiễn.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Điều chỉnh quy định về mức chi từ nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy theo hướng tăng mức chi cho hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị PCCC từ 40% lên 65%, giảm mức chi cho tuyên truyền, phổ biến kiến thức PCCC và BHCNBB từ 30% xuống 15%; giảm mức chi cho hỗ trợ điều tra nguyên nhân vụ cháy, kiểm tra an toàn về PCCC, giám sát việc tham gia BHCNBB của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ từ 20% xuống 15%; giảm mức chi cho khen thưởng công tác PCCC từ 10% xuống 5%.

- Giải pháp 2: Giữ nguyên quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP về mức chi từ nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

3.4. Đánh giá tác động

3.4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động đối với Nhà nước

- Tác động tích cực:

+ Tác động về kinh tế: Việc tăng mức chi cho hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị PCCC một phần giúp hoạt động phòng cháy chữa cháy hoạt động hiệu quả, nhanh gọn, hạn chế thiệt hại về kinh tế.

+ Tác động về xã hội: Việc tăng mức chi cho hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị PCCC nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác phòng ngừa, hỗ trợ cơ quan phòng cháy, chữa cháy đủ năng lực giải quyết các sự cố cháy nổ. Từ đó, góp phần bảo vệ thành quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ BHCNBB được quy định minh bạch, rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật liên quan, là cơ sở pháp lý để đối tượng sử dụng xây dựng quy chế phù hợp.

- Tác động tiêu cực: Việc tăng mức chi cho hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị PCCC sẽ làm giảm mức chi cho các hoạt động khác, tuy nhiên cơ cấu chi như đề xuất là phù hợp với nhu cầu thực tiễn hiện nay.

b) Tác động đối với DNBH

- Tác động tích cực: Trang bị phương tiện, thiết bị PCCC được tăng cường, bổ sung sẽ giúp hoạt động phòng cháy, chữa cháy hoạt động hiệu quả hơn, giảm thiểu tổn thất, giảm mức độ thiệt hại, giảm tỷ lệ bồi thường..

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

c) Tác động đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ

- Tác động tích cực: Việc tăng mức chi cho hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị PCCC nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác phòng ngừa, hỗ trợ cơ quan phòng cháy, chữa cháy đủ năng lực giải quyết các sự cố cháy nổ, hạn chế tổn thất của cơ sở xảy ra sự cố

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

3.4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động đối với Nhà nước

- Tác động tích cực:

+ Tác động về kinh tế: Không có tác động mới

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

- Tác động tiêu cực: Rủi ro về cháy, nổ ngày một tăng trong khi nguồn lực phòng cháy chữa cháy còn hạn chế sẽ không đảm bảo yêu cầu của thực tiễn trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy

b) Tác động đối với DNBH

- Tác động tích cực: Không có

- Tác động tiêu cực: Khi cơ quan phòng cháy, chữa cháy không đủ nguồn lực, trang thiết bị để thực hiện hoạt động phòng cháy, chữa cháy khi có sự cố xảy ra, chi bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tăng.

c) Tác động đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ

- Tác động tích cực: không có

- Tác động tiêu cực: Khi cơ quan phòng cháy, chữa cháy không đủ nguồn lực, trang thiết bị để thực hiện hoạt động phòng cháy, chữa cháy khi có sự cố xảy ra, sẽ không hạn chế tối đa được thiệt hại

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

- Giải pháp lựa chọn: Giải pháp 1 (Điều chỉnh quy định về mức chi từ nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy theo hướng tăng mức chi cho hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị PCCC từ 40% lên 65%, giảm mức chi cho tuyên truyền, phổ biến kiến thức PCCC và

BHCNBB từ 30% xuống 15%; giảm mức chi cho hỗ trợ điều tra nguyên nhân vụ cháy, kiểm tra an toàn về PCCC, giám sát việc tham gia BHCNBB của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ từ 20% xuống 15%; giảm mức chi cho khen thưởng công tác PCCC từ 10% xuống 5%.)

III. Lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến dự thảo báo cáo đánh giá tác động thực hiện thông qua việc tổ chức cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan có liên quan, DNBH và đăng website lấy ý kiến rộng rãi.

IV. Giám sát và đánh giá

Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách: Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) và Bộ Công an (Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ)./.